

Số: 15 /NQ-HĐND

Sơn Tây, ngày 14 tháng 11 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 của Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 và số 20/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Sơn Tây

Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TÂY  
KHÓA VI - KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ các Nghị định: số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 09/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 12/2023/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn vốn ngân



sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 07/2023/NQ-HĐND ngày 15/3/2023 Quy định cơ chế lồng ghép các nguồn vốn và huy động nguồn lực thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 26/2023/NQ-HĐND ngày 13/11/2023 phân cấp thẩm quyền cho HĐND cấp huyện quyết định, điều chỉnh danh mục dự án đầu tư công trung hạn và hằng năm giai đoạn 2021-2025 tại địa phương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 34/NQ-HĐND ngày 22/7/2024 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND huyện Sơn Tây: số 20/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn huyện Sơn Tây, nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện; số 20/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Sơn Tây thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn huyện Sơn Tây;

Xét Tờ trình số 63/TTr-UBND ngày 08/11/2024 của UBND huyện Sơn Tây đề nghị ban hành Nghị quyết điều chỉnh một số nội dung tại Điều 1 của Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 và số 20/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Sơn Tây; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**



**Điều 1.** Thống nhất điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 của Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 và số 20/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Sơn Tây, cụ thể:

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, với số tiền điều chỉnh giảm là 12.964 triệu đồng (gồm: Ngân sách Trung ương là 11.274 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 1.128 triệu đồng và ngân sách huyện là 563 triệu đồng).

2. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc Tiểu dự án 1 của Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc, với số tiền điều chỉnh giảm là 13.549 triệu đồng (gồm: Ngân sách Trung ương là 11.839 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 1.184 triệu đồng và ngân sách huyện là 526 triệu đồng).

3. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch và danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc Tiểu dự án 1 của Dự án 5: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, với số vốn điều chỉnh, bổ sung là 934 triệu đồng (gồm: Ngân sách Trung ương là 850 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 84 triệu đồng).

4. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch và danh mục dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch, với số vốn điều chỉnh, bổ sung là 174 triệu đồng (gồm: Ngân sách Trung ương là 158 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 16 triệu đồng).

5. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, với số vốn điều chỉnh, bổ sung là 1.474 triệu đồng (gồm: Ngân sách Trung ương là 1.282 triệu đồng, ngân sách tỉnh là 192 triệu đồng).

(Chi tiết như Phụ lục kèm theo)

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa VI, kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua.

2. Những nội dung khác tại các Nghị quyết của HĐND huyện: số 20/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 và số 20/NQ-HĐND ngày 01/12/2023 không điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, Tài chính, Tư pháp;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Ban TT UBMTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa VI;
- Các cơ quan, ban, ngành, Hội, đoàn thể huyện;
- TT HĐND, UBND các xã;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- VP HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH****Lê Văn Tùng**











Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 đã giao tại NQ số 20/NQ-HĐND ngày 30/8/2022 và NQ số 20/NQ-HĐND ngày 01/12/2023														Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung														Ghi chú	
TT	Dự án/ danh mục dự án	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC HT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch trung hạn đã giao 2021-2025			TT	Dự án/ danh mục dự án	Năng lực thiết kế (dự kiến)	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC HT	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung			Tăng (+); Giảm (-)							
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Ngân sách trung ương	NS tỉnh, địa phương						NS huyện, xã, đối ứng	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Ngân sách trung ương	NS tỉnh, địa phương	NS huyện, xã, đối ứng	Tổng số	Trong đó:				
						NSTW	NSDP											NSTW	NSDP						NSTW	NSDP			
24	Nhà sinh hoạt công đồng điểm Đĩnh Canh, đĩnh cư tập trung Ta Đô	Xây dựng nhà sinh hoạt với quy mô 80 chỗ ngồi phục vụ nhu cầu hội họp cho 52 hộ/153 khẩu	Xã Sơn Tiến	2024-2025	1.000,50	870,00	130,50	1.000,500	870,000	87,000	43,5	24	Nhà sinh hoạt công đồng điểm Đĩnh Canh, đĩnh cư tập trung Ta Đô	Xây dựng nhà sinh hoạt với quy mô 80 chỗ ngồi phục vụ nhu cầu hội họp cho 52 hộ/153 khẩu	Xã Sơn Tiến	2024-2025	1.000,500	870,000	130,500	-	-	-	-1.000,500	-870,000	-87,000	-43,500	Điều chỉnh giảm		
25	Đường vào khu sản xuất Màng Ría, thôn Bù Mầu	Nền, mặt đường + Thoát nước với chiều dài L= 550 m	Xã Sơn Tiến	2024-2025	1.006,25	875,00	131,25	1.006,250	875,000	87,500	43,8	25	Đường vào khu sản xuất Màng Ría, thôn Bù Mầu	Nền, mặt đường + Thoát nước với chiều dài L= 550 m	Xã Sơn Tiến	2024-2025	1.006,250	875,000	131,250	-	-	-	-1.006,250	-875,000	-87,500	-43,750	Điều chỉnh giảm		
26	Nối tiếp đường vào khu dân cư Y Lành, thôn Ta Đô	Nền, mặt đường + Thoát nước với chiều dài L= 550 m	Xã Sơn Tiến	2024-2025	1.006,25	875,00	131,25	1.006,250	875,000	87,500	43,8	26	Nối tiếp đường vào khu dân cư Y Lành, thôn Ta Đô	Nền, mặt đường + Thoát nước với chiều dài L= 550 m	Xã Sơn Tiến	2024-2025	1.006,250	875,000	131,250	-	-	-	-1.006,250	-875,000	-87,500	-43,750	Điều chỉnh giảm		
27	Trường THPTCS Sơn Tinh, Hùng Mực: Xây mới 06 phòng học	Xây mới 06 phòng học	Xã Sơn Tinh	2024-2025	3.001,50	2.610,00	391,50	3.001,50	2.610,000	261,000	130,5	27	Trường THPTCS Sơn Tinh, Hùng Mực: Xây mới 06 phòng học	Xây mới 06 phòng học	Xã Sơn Tinh	2024-2025	3.001,50	2.610,000	391,500	3.001,500	2.319,71	205,04	476,75	-	-290,288	-55,958	346,246		
28	Đường Khu dân cư Ngọc Lân - Màng Rẫy	Nền mặt đường + thoát nước	Xã Sơn Liên	2024-2025	3.001,50	2.610,00	391,50	3.001,50	2.610,000	261,000	130,5	28	Đường Khu dân cư Ngọc Lân - Màng Rẫy	Nền mặt đường + thoát nước	Xã Sơn Liên	2024-2025	3.001,50	2.610,000	391,500	3.001,500	2.610,000	261,000	130,500	-	0,000	0,000	0,000	Y kiến kiến nghị của cử tri Sơn Liên	
29	Xây dựng cấp Kà Rốt II	2,5ha	Xã Sơn Tiến	2024-2025	1.200,00	1.044,00	156,00	1.200,00	1.044,000	104,000	52,00	29	Xây dựng cấp Kà Rốt II	2,5ha	Xã Sơn Tiến	2024-2025	1.200,00	1.044,000	156,000	1.200,000	1.044,000	104,000	52,000	-1.200,000	-1.044,000	-104,000	-52,000	Điều chỉnh giảm	
30	Xây dựng đường BTDM DH 53 đi Ngòi Trung thôn Đĩnh											30	Xây dựng đường BTDM DH 53 đi Ngòi Trung thôn Đĩnh	800m	Xã Sơn Tiến	2024-2025	1.200,00	1.044,000	156,000	1.200,000	1.044,000	104,000	52,000	-1.200,000	-1.044,000	-104,000	-52,000	Bổ sung danh mục công trình	
31	BTDM đường TSD đi nhà Văn hóa thôn Ba Phần	Chiều dài 500m	Xã Sơn Long	2024-2025	1.000,500	870,000	130,500	1.000,500	870,000	87,000	43,5	31	BTDM đường TSD đi nhà Văn hóa thôn Ba Phần	Chiều dài 500m	Xã Sơn Long	2024-2025	1.000,500	870,000	130,500	-	-	-	-1.000,500	-870,000	-87,000	-43,500	Điều chỉnh giảm		
32	Nối tiếp đường từ UBND xã đi A Nhạn 2	Chiều dài 1000m	Xã Sơn Long	2024-2025	1.000,500	870,000	130,500	1.000,500	870,000	87,000	43,5	32	Nối tiếp đường từ UBND xã đi A Nhạn 2	Chiều dài 1000m	Xã Sơn Long	2024-2025	1.000,500	870,000	130,500	-	-	-	-1.000,500	-870,000	-87,000	-43,500	Điều chỉnh giảm		
33	BTDM đường từ Màng Lăng đi Nước Đẻ	Chiều dài 500m	Xã Sơn Long	2024-2025	1.000,500	870,000	130,500	1.000,500	870,000	87,000	43,5	33	BTDM đường từ Màng Lăng đi Nước Đẻ	Chiều dài 500m	Xã Sơn Long	2024-2025	1.000,500	870,000	130,500	-	-	-	-1.000,500	-870,000	-87,000	-43,500	Điều chỉnh giảm		
34	BTDM nhà ống Mo đi xóm Ông Đềm	Chiều dài 500m	Xã Sơn Long	2024-2025	1.000,500	870,000	130,500	1.000,500	870,000	87,000	43,5	34	BTDM nhà ống Mo đi xóm Ông Đềm	Chiều dài 500m	Xã Sơn Long	2024-2025	1.000,500	870,000	130,500	-	-	-	-1.000,500	-870,000	-87,000	-43,500	Điều chỉnh giảm		
35	BTDM xóm Ông Triều đi Ông Chàng	Chiều dài 500m	Xã Sơn Long	2024-2025	1.000,500	870,000	130,500	1.000,500	870,000	87,000	43,5	35	BTDM xóm Ông Triều đi Ông Chàng	Chiều dài 500m	Xã Sơn Long	2024-2025	1.000,500	870,000	130,500	-	-	-	-1.000,500	-870,000	-87,000	-43,500	Điều chỉnh giảm		
III	Dự án 5: Phát triển giao dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực				19.919	17.321	2.598	19.919	17.321,00	1.732	866	III	Dự án 5: Phát triển giao dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực				24.567	21.363	3.204	20.853,150	18.171,000	1.816,100	866,050	934,000	850,000	84,000	0,000		
	<b>Tiểu dự án 1: Dã một hoạt động, cũng có phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số</b>				<b>19.919</b>	<b>17.321</b>	<b>2.598</b>	<b>19.919</b>	<b>17.321</b>	<b>1.732</b>	<b>866</b>					<b>24.567</b>	<b>21.363</b>	<b>3.204</b>	<b>20.853,150</b>	<b>18.171,000</b>	<b>1.816,100</b>	<b>866,050</b>	<b>934,000</b>	<b>850,000</b>	<b>84,000</b>	<b>0,000</b>			
01	Trường PTD/PTH và THCS Sơn Long	Xây dựng phòng ở cho HSBT, phòng công vụ giáo viên, phòng quản lý HSBT	Xã Sơn Long	2022-2024	4.968	4.320,00	648	4.968	4.320	432,0	216,0	01	Trường PTD/PTH và THCS Sơn Long	Xây dựng phòng ở cho HSBT, phòng công vụ giáo viên, phòng quản lý HSBT	Xã Sơn Long	2022-2024	4.968	4.320,000	648	3.998,014	3.398,313	399,801	199,900	-951,886	-921,687	-32,199	-16,100		
02	Trường PTD/PTH và THCS Sơn Tiến	Xây dựng phòng bộ môn, phòng ở cho HSBT	Xã Sơn Tiến	2022-2024	5.243	4.559,00	684	5.243	4.559	455,9	228,0	02	Trường PTD/PTH và THCS Sơn Tiến	Xây dựng phòng bộ môn, phòng ở cho HSBT	Xã Sơn Tiến	2022-2024	5.243	4.559,000	684	4.260,839	3.621,713	426,004	213,042	-967,103	-937,287	-29,816	-14,908		
03	Trường PTD/PTH và THCS Sơn Dung	Xây dựng phòng ở cho HSBT, phòng công vụ giáo viên, phòng quản lý HSBT	Xã Sơn Dung	2022-2024	5.131	4.462,00	669	5.131	4.462	446,2	223,1	03	Trường PTD/PTH và THCS Sơn Dung	Xây dựng phòng ở cho HSBT, phòng công vụ giáo viên, phòng quản lý HSBT	Xã Sơn Dung	2022-2024	5.131	4.462,000	669	4.283,466	3.640,947	428,346	214,173	-838,907	-821,053	-17,854	-8,927		
04	Trường PTD/PTH THCS Sơn Tỷ	Xây dựng phòng học, phòng quản lý HSNT, nhà ăn, nhà bếp	Xã Sơn Dung	2022-2024	4.577	3.980,00	597	4.577	3.980	398,0	199,0	04	Trường PTD/PTH THCS Sơn Tỷ	Xây dựng phòng học, phòng quản lý HSNT, nhà ăn, nhà bếp	Xã Sơn Dung	2022-2024	4.577	3.980,000	597	4.080,541	3.468,440	408,054	204,027	-501,486	-511,540	10,054	5,027		
												05	Trường THPTCS Sơn Tinh	Xây dựng phòng ở cho HSBT, phòng công vụ giáo viên, phòng quản lý HSBT	Xã Sơn Tinh	2024-2025	4.648	4.042,000	606	4.230,290	4.041,567	153,815	34,908	4.195,382	4.041,57	153,82	34,908		Bổ sung danh mục công trình
IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch				288	250	38	288	250	25	13	IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch				462	408	54	449	408	41	13	174,0	158,0	16,0			
07	Nối cấp nhà văn hóa thôn Tân Văn		Thôn Tân Văn, Sơn Dung	2024	287,50	250,00	37,50	287,50	250,0	25,0	12,5	07	Nối cấp nhà văn hóa thôn Tân Văn		Thôn Tân Văn, Sơn Dung	2024	461,50	408,000	53,50	449,000	408,0	41,0	12,5	174,000	158,000	16,000		Điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư để thực hiện phù hợp với hiện trạng của công trình cấp, sửa chữa	

